

Số: **51** /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **06** tháng **7** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 876
	Ngày: 10/7
	Chuyên: Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 2 năm 2015 của Liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 716/TTr-SXD ngày 21 tháng 04 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước các đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện; Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử TTH; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số **51** /2017/QĐ-UBND
ngày **06** tháng **7** năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia vào các hoạt động có liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích một số từ ngữ

Trong quy định này, các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước); chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là chi phí dịch vụ thoát nước); giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước); đơn vị thoát nước; hộ thoát nước; nước thải; nước thải sinh hoạt; nước thải khác; hệ thống thoát nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; cống bao; hồ điều hòa; điểm đầu nối; điểm xả; lưu vực thoát nước; nguồn tiếp nhận; quy hoạch chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là quy hoạch thoát nước); COD (viết tắt của cụm từ Chemical Oxygen Demand); bùn thải, được giải thích cụ thể tại Điều 2, Chương I, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014.

2. “Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện” bao gồm phòng Quản lý Đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện.

3. “Quy hoạch xây dựng” bao gồm Quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; quy hoạch xây dựng nông thôn; quy hoạch xây dựng các khu chức năng; quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật được lập, phê duyệt theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch Đô thị.

4. Chủ đầu tư công trình thoát nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc đơn vị thoát nước được giao là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý.

b) Chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách là Ban quản lý xây dựng nông thôn xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xây dựng nông thôn xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

c) Đơn vị được giao làm chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị mới là chủ đầu tư công trình thoát nước trên địa bàn được giao quản lý.

d) Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư.

đ) Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

5. Thành phần hệ thống thoát nước:

a) Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải sau khi xử lý, nước mưa xả vào nguồn tiếp nhận là các kênh, mương, sông, suối chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng.

b) Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống thoát nước cấp 1.

c) Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm các tuyến cống dọc đường phố tại các khu dân cư, các khu chức năng, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát nước cấp 2.

d) Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

- Hồ kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lẻ đường, cửa tràn tách nước;
- Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm;
- Hồ điều hoà và tuyến kênh mương;
- Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
- Nhà máy xử lý nước thải và công trình xử lý bùn cặn.

Điều 4. Nguyên tắc chung quản lý thoát nước và xử lý nước thải

1. Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là loại hình hoạt động công ích, được Nhà nước quan tâm, ưu tiên và khuyến khích đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước và xử lý nước thải, bảo đảm phát triển bền vững.

2. Người gây ô nhiễm phải trả tiền xử lý ô nhiễm; nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước.

3. Nước mưa, nước thải được thu gom; nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

4. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ, được duy tu, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước thải thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Thoát nước và xử lý nước thải phải đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

6. Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có liên quan đến kết cấu hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ và hoàn trả nguyên trạng hoặc khôi phục lại nếu làm hư hỏng công trình giao thông.

7. Các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hệ thống thoát nước phải có phương án bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định hệ thống thoát nước.

8. Huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

Điều 5. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. UBND thành phố Huế, UBND thị xã Hương Trà, UBND thị xã Hương Thủy và UBND các huyện (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) là chủ sở hữu

toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, một phần từ ngân sách nhà nước; vốn nhà nước ngoài ngân sách;

b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị, khu dân cư mới trên địa bàn quản lý;

c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý.

2. UBND cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước mưa, bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước mưa gắn với hệ thống giao thông nông thôn do mình được giao quản lý;

b) Hệ thống thoát nước mưa do mình được giao làm chủ đầu tư hoặc quyết định đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp xã.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị, khu dân cư mới, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đến khi bàn giao cho bên tiếp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định khác có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 6. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Căn cứ quy hoạch xây dựng được duyệt và yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật của địa phương trong từng giai đoạn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước giai đoạn trung hạn (5 năm) trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Kế hoạch đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước phải đảm bảo những nội dung cơ bản theo Khoản 1, Điều 12, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014.

Điều 7. Điều kiện áp dụng về xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung

1. Khu vực đã có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào điểm đầu nối của hệ thống thoát nước thải chung theo hướng dẫn của cơ quan quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải;

b) Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối theo hướng dẫn của cơ quan quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề: Nước thải từ các nhà máy trong khu, cụm công nghiệp (nước thải công nghiệp), làng nghề xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các công trình công cộng (ký túc xá, bệnh viện, trường học, chợ, trung tâm thương mại,...) tại các khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh tại cơ sở phải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải ngay tại cơ sở, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu giới hạn cho phép về các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

4. Nước thải có tính chất nguy hại; nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân tại đô thị, điểm dân cư tập trung ở những khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Nước thải có tính chất nguy hại phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

b) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân tại đô thị, điểm dân cư tập trung ở những khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường trước khi thải ra môi trường.

Điều 8. Thỏa thuận đầu nối và điều kiện xả nước thải

1. Cơ quan quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm thỏa thuận điểm đầu nối và hướng dẫn kỹ thuật khi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có văn bản yêu cầu đầu nối nước thải, đối với các trường hợp nêu tại Khoản 1, Điều 7 của Quy định này.

2. Cơ quan quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm thỏa thuận điểm đầu nối và hướng dẫn kỹ thuật khi tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu đầu nối nước thải, đối với các trường hợp nêu tại Khoản 2, Điều 7 của Quy định này.

3. UBND cấp huyện thỏa thuận đầu nối và các điều kiện đầu nối nước thải sau

xử lý vào hệ thống thoát nước chung bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3, Điều 7 Quy định này. Kết quả thỏa thuận được đồng thời gửi cho cơ quan quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và UBND cấp xã để theo dõi và xác định mức thu phí bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Thời gian giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hợp lệ của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu. Việc đấu nối chỉ được thực hiện sau khi có văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu quy định tại Khoản 1,2,3 Điều này.

5. Cơ quan quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải nêu tại Khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khi các đối tượng này có văn bản yêu cầu đấu nối nước thải; kịp thời giải quyết các thủ tục xin đấu nối do đơn vị mình quản lý; tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng khi có nhu cầu đấu nối nước thải vào hệ thống chung. Nội dung quy định đấu nối đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 9. Quy định đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải

1. Quy định đấu nối được thực hiện riêng cho từng dự án khi dự án đầu tư xây dựng hoặc mở rộng hệ thống xử lý nước thải đô thị được triển khai. Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với chủ sở hữu xây dựng quy định đấu nối cho dự án do mình được giao làm chủ đầu tư trình Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành theo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Nội dung quy định đấu nối thực hiện theo Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Căn cứ nội dung dự án đầu tư được duyệt hoặc văn bản cam kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà tài trợ dự án hệ thống thoát nước thải (nếu có) và điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu quyết định phương thức và mức hỗ trợ đấu nối cho các đối tượng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư khi thực hiện việc đấu nối nước thải từ bên trong nhà ở, công trình vào hệ thống thoát nước thải chung tại khu vực thuộc dự án hệ thống thoát nước thải được vận hành.

3. Việc xác định các hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ theo Khoản 2, Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng Quy định đấu nối nước thải theo Khoản 1 Điều này.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng đã được triển khai thực hiện nhưng chưa có quy định đấu nối được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập bổ sung quy định đấu nối cho dự án và căn cứ nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này để triển khai thực hiện.

Điều 10. Xử lý nước thải phi tập trung

1. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và tổng lượng nước thải khu vực thuộc dự

án xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở tại các khu vực ngoài vùng dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của đô thị hay khu vực, chủ dự án phải có các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung và quy định đầu nổi cho dự án do mình thực hiện, theo Khoản 2, Điều 1 Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015, gồm: xử lý nước thải phi tập trung tại chỗ; xử lý nước thải phi tập trung theo cụm; xử lý nước thải phi tập trung theo khu vực.

2. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được xác định trong quá trình chủ dự án tổ chức lập quy hoạch xây dựng phục vụ cho dự án và được thẩm định, phê duyệt theo các quy định chung về quy hoạch xây dựng hiện hành.

Điều 11. Đầu tư và bàn giao công trình thoát nước hoàn thành

1. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư mới, chủ đầu tư phải đầu tư hệ thống thoát nước mưa đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt. Tùy theo vị trí dự án, địa hình điều kiện thực tế, tổng lượng nước thải phát sinh thuộc dự án để lựa chọn giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phù hợp Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015. Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư mới quản lý vận hành và bảo vệ hệ thống thoát nước trong khu vực dự án đến khi bàn giao cho cơ quan được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 20/07/2016 của UBND tỉnh về Quy định tham gia quản lý, bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Dự án xây dựng cải tạo hoặc xây dựng mới tuyến thoát nước mưa cùng với hệ thống giao thông, sau khi hoàn thành đầu tư trước khi đưa vào sử dụng, đối với chủ đầu tư không phải là đơn vị quản lý vận hành thoát nước có trách nhiệm tổ chức bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định.

3. Hồ sơ, tài liệu để bàn giao công trình thoát nước:

a) Sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình thoát nước theo quy định và đã sửa chữa xong các tồn tại ghi trong biên bản nghiệm thu (nếu có), chủ đầu tư có trách nhiệm tập hợp, bàn giao hồ sơ cho Bên tiếp nhận;

b) Hồ sơ, tài liệu bàn giao công trình được lập thành 03 bộ, chủ đầu tư lưu trữ 01 bộ; gửi 01 bộ cho Bên tiếp nhận, 01 bộ cho đơn vị chủ quản bên tiếp nhận, chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi tiến hành bàn giao.

c) Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình thoát nước theo quy định.

Điều 12. Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quy định này, quyết định lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý theo đề nghị của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện.

2. Việc lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được thực hiện

theo một trong các hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương, quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Việc quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý, vận hành theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015.

Điều 13. Quản lý các điểm xả ra nguồn tiếp nhận

1. UBND cấp huyện quản lý các điểm xả ra nguồn tiếp nhận là hệ thống các suối, hồ trên địa bàn do mình quản lý. Phân công trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân có công trình xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quản lý dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hướng dẫn tại Phụ lục 02 Thông tư số 04/2015/TT-BXD, bao gồm:

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc đầu nối nước thải đã qua hệ thống xử lý tại cơ sở đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa đã được đầu tư đồng bộ đến cửa xả vào nguồn tiếp nhận;

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu nối nước thải vào hệ thống nước thải tại các khu vực đô thị đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung;

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu nối nước thải đã được xử lý qua hệ thống xử lý tại cơ sở đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa đã được đầu tư đồng bộ đến cửa xả vào nguồn tiếp nhận;

d) Các trường hợp cá biệt khác do chủ sở hữu hệ thống thoát nước quy định.

2. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức được giao thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải để đảm bảo không trùng lắp khoản thu đối với hộ thoát nước theo Điểm c Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc và phương pháp định giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo Chương V, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Điều 15. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước.

1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước; Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

3. Đối với khu kinh tế, khu công nghiệp: Phương án giá dịch vụ thoát nước do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải lập trên cơ sở thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp, làng nghề và quyết định mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước theo đề nghị của Sở Xây dựng đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm rà soát và tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Thời gian để xem xét điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước tối thiểu là 02 năm.

Điều 16. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ về đầu tư

Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ:

1. Được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

2. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương.

3. Các ưu đãi, hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành.

Điều 17. Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

1. Hiệu quả xử lý của công nghệ: Đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận.

2. Tiết kiệm đất xây dựng.

3. Quản lý, vận hành và bảo dưỡng phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương.

4. Chi phí đầu tư hợp lý trong đó tính đến cả sự phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu.

5. Phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận.

6. An toàn và thân thiện với môi trường.

7. Có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai.

8. Đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu.

9. Mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn.

10. Tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, UBND tỉnh quyết định việc áp dụng các tiêu chí lựa chọn cho phù hợp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì thẩm định nội dung liên quan về thoát nước và xử lý nước thải đô thị của các đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng;

c) Cung cấp thông tin về cao độ nền xây dựng đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để triển khai các dự án, công trình thoát nước đô thị;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách (trừ khu kinh tế, khu công nghiệp), gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định;

đ) Thực hiện chức năng, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về hoạt động đầu tư, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy định;

e) Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ

thoát nước khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề xả vào hệ thống thoát nước chung.

g) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ của ngành đối với kiểm soát môi trường; giám sát chất lượng nước thải đối với công trình thoát nước, xử lý nước thải;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan thẩm định, đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; Hướng dẫn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp áp dụng cho các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí.

c) Chủ trì Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định (hoặc phê duyệt theo phân cấp).

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách trình UBND tỉnh quyết định;

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp; kiểm tra việc thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Đồng thời, hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan thẩm định Kế

hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

d) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

8. Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra, chủ đầu tư, đơn vị thoát nước xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thỏa thuận bằng văn bản phương án giá dịch vụ thoát nước do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải lập trong địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp;

đ) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp;

e) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu kinh tế, khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; thỏa thuận vị trí đầu nối, xả nước thải cho hộ thoát nước.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn cấp huyện (trừ phạm vi khu kinh tế, khu công nghiệp).

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

5. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn (trừ phạm vi khu kinh tế, khu công nghiệp) theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6. Bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm cho công tác duy tu, sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước đảm bảo vận hành có hiệu quả hệ thống thoát nước và các yêu cầu về an toàn, cảnh quan và môi trường.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện quản lý hệ thống thoát nước khu dân cư, điểm dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn theo phân công của UBND cấp huyện.

2. Tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý các vi phạm về quản lý hệ thống thoát nước trên địa bàn mình quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Tuyên truyền, vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc sử dụng, bảo vệ và khai thác hiệu quả, đúng mục đích của hệ thống thoát nước, đảm bảo an toàn

và bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức quản lý hệ thống thoát nước mưa do mình làm chủ sở hữu, gồm: Xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hàng năm, đề xuất UBND cấp huyện về kế hoạch phát triển và khắc phục trong quản lý thoát nước trên địa bàn do mình phụ trách.

Điều 21. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; đảm bảo quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đúng chế độ vận hành, công năng, hiệu quả.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý cho chủ sở hữu về tình hình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và công trình xử lý nước thải do đơn vị được giao quản lý, vận hành.

3. Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp, thay thế, sửa chữa thuộc hợp đồng đặt hàng duy trì hệ thống thoát nước đã được phê duyệt; lập kế hoạch xây dựng mới, cải tạo hệ thống thoát nước để báo cáo UBND cấp huyện trong kỳ kế hoạch hàng năm.

4. Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng ký kết với chủ sở hữu. Kiểm kê hệ thống thoát nước theo định kỳ và cập nhật, báo cáo kịp thời mọi sự thay đổi trong kỳ kiểm kê.

5. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, bảo vệ và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm hệ thống thoát nước. Đồng thời, chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản và an toàn hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

6. Thực hiện giám sát môi trường tại các cửa xả, vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận thuộc hệ thống do mình phụ trách. Báo cáo hiện trạng môi trường theo tần suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

7. Đối với vùng dự án hệ thống thoát nước thải tập trung hoàn thành được phép đưa vào vận hành, tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cho các hộ thoát nước thuộc vùng phục vụ đầu nối hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải tập trung. Đồng thời theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đầu nối theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhà và công trình thuộc khu vực đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có trách nhiệm thực hiện việc đầu nối hệ thống thoát nước thải từ bên trong nhà, công trình vào hệ thống thoát nước thải tập trung của đô thị theo hướng dẫn và yêu cầu kỹ thuật của cơ quan quản lý, vận hành

hệ thống thoát nước tập trung.

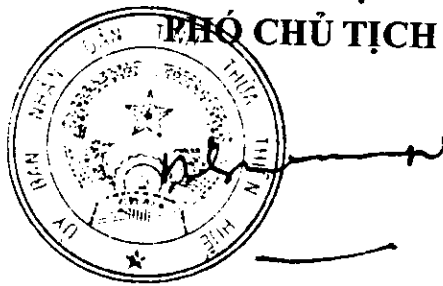
2. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trong hoạt động thoát nước thải từ các nhà máy xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Trường hợp chưa có hệ thống nước thải tập trung thì phải xây dựng hệ thống xử lý của cơ sở sản xuất kinh doanh của mình.

3. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhà và công trình tại các khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc phi tập trung, hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khu dân cư tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý tại công trình, không xả thải trực tiếp nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý vào hệ thống thoát nước mưa hoặc vào môi trường.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn thực hiện Quy định này.
2. Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Chủ tịch UBND thành phố Huế, các thị xã, huyện; Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn vướng mắc, cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

